



TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐẾN CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

TRẦN THỊ NGỌC LAN, NGUYỄN THỊ BÍCH THUY, TRẦN THÀNH TRUNG

Nghiên cứu này được thực hiện với mong muốn góp phần cung cấp thêm cơ sở khoa học giúp các nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách đánh giá thực tiễn hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế của TP. Hồ Chí Minh. Trên cơ sở phân tích những kết quả đạt được trong thu hút FDI thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành, lĩnh vực: dịch vụ; công nghiệp, xây dựng; nông nghiệp và đưa ra những nguyên nhân của hạn chế, nhóm nghiên cứu đề xuất các khuyến nghị nhằm thúc đẩy tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của TP. Hồ Chí Minh theo hướng nhanh và bền vững...

Từ khóa: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài, TP. Hồ Chí Minh

IMPACTS OF FDI ON THE ECONOMIC RESTRUCTURING IN HO CHI MINH CITY

Tran Thi Ngoc Lan, Nguyen Thi Bich Thuy, Tran Thanh Trung

This study was conducted in the hope to provide more scientific basis to help managers and policy makers evaluate the foreign direct investment (FDI) activities in economic restructuring process in the Ho Chi Minh City. The research analyzes the achievements in attracting FDI to promote restructuring of industries such as services, construction, and agriculture and points out the causes of the limitations, thereby proposing recommendations to promote fast and sustainable socio-economic development of the city.

Keywords: Economic restructuring, foreign direct investment, Ho Chi Minh City

Ngày nhận bài: 25/8/2022

Ngày hoàn thiện biên tập: 6/9/2022

Ngày duyệt đăng: 12/9/2022

Giới thiệu

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế có mối liên hệ chặt chẽ với tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội. chuyển dịch cơ cấu kinh tế chính là sự thay đổi cơ cấu kinh tế từ trạng thái này sang trạng thái khác cho phù hợp với điều kiện và môi trường phát triển. Nhiều địa phương của Việt Nam nhờ tận dụng và phát huy tốt nguồn vốn FDI đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế nhanh và mạnh mẽ, trong đó có TP. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên,

bên cạnh mặt tích cực, tại TP. Hồ Chí Minh còn tồn tại một số hạn chế như: Chiến lược thu hút FDI nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa hợp lý; quy hoạch trong thu hút FDI theo ngành, vùng, thành phần kinh tế, sản phẩm, chuyển giao công nghệ, năng lực hấp thụ FDI... chưa đạt như kỳ vọng.

Những hạn chế này do nhiều nguyên nhân như: Việc thay đổi tư duy về thu hút vốn FDI thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa theo kịp với yêu cầu; khung pháp lý về thu hút FDI còn bất cập; chính sách khuyến khích, ưu đãi thu hút FDI nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa đủ hấp dẫn; công tác quản lý nhà nước; cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng còn bất cập; nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu của thu hút FDI; đại dịch COVID-19 ảnh hưởng lớn đến dòng FDI của Việt Nam...

Cơ sở lý thuyết

Đã có nhiều lý thuyết về quyết định đầu tư của doanh nghiệp (DN) FDI từ những năm 1930 đến nay như: Lý thuyết FDI về lợi thế sở hữu của Hymer (1960); Lý thuyết chu kỳ sản phẩm được phát triển bởi Vernon (1966); Lý thuyết chiết trung của Dunning hay còn gọi là lý thuyết OLI (1977); Lý thuyết chuyển dịch cơ cấu của M.Syrquin (1999)... Những lý thuyết này tuy có sự khác biệt về cách tiếp cận, nhưng đều tập trung vào trả lời ba câu hỏi: (i) Động cơ nào dẫn đến một DN tiến hành hoạt động FDI?; (ii) Tại sao các DN tiến hành hoạt động FDI chứ không phải là hoạt động khác như xuất khẩu hoặc cấp giấy phép?; (iii) Những yếu tố nào của nước nhận đầu tư sẽ tác động tới việc lựa chọn địa điểm đầu tư của các công ty đa quốc gia?

Blomstrom và cộng sự (1997) đề cập đến tác động của FDI nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các quốc gia nhận đầu tư thông qua việc chuyển giao và phổ biến công nghệ từ các công ty đa quốc gia nước ngoài đến nước sở tại, vì các công ty nước ngoài này sở hữu và kiểm soát phần lớn công nghệ thương mại của thế giới.

Ngoài ra, trên thế giới còn nhiều học giả đã nghiên cứu về vấn đề trên, như: Françoise Nicolas (2003), Pinto (2017)... Các công trình nghiên cứu trong nước điển hình như nghiên cứu của: Vương Đức Hoàng Quân (2014), Lê Thanh Tùng (2016), Nguyễn Thị Thúy Vân và cộng sự (2018)...

Khung nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Khung nghiên cứu được tác giả đề xuất trong Hình 1.

Cách tiếp cận trong nghiên cứu này là: Tiếp cận hệ thống, tiếp cận biện chứng, tiếp cận lịch sử cụ thể và tiếp cận thực nghiệm để nghiên cứu thực tiễn thu hút FDI thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại TP. Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, qua cách tổng hợp các nghiên cứu lý thuyết, thực tiễn kết hợp cùng số liệu thu thập từ năm 2013 đến năm 2021, nhằm đưa ra xu hướng, thực trạng của dòng vốn FDI, định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của TP. Hồ Chí Minh. Nghiên cứu sử dụng nguồn dữ liệu từ Niên giám thống kê hàng năm từ năm 2013 đến 2021 và báo cáo của các cấp chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước...

Thu hút FDI thúc đẩy chuyển dịch



Nguồn: Nhóm tác giả (2022)

cơ cấu kinh tế TP. Hồ Chí Minh

Cơ cấu đầu tư trực tiếp nước ngoài

Cơ cấu đầu tư FDI cho thấy, nguồn vốn FDI vào TP. Hồ Chí Minh được tập trung ở những ngành nào, vùng nào và những đối tác chính, từ đó có biện pháp điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo đúng định hướng. Đến tháng 12/2021, TP. Hồ Chí Minh còn 9952 dự án FDI còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư kể cả cấp mới và tăng vốn là 48.190.480 nghìn USD.

Trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh có 47 quốc gia, vùng lãnh thổ có dự án FDI đầu tư. Trong đó, Hàn Quốc có nhiều dự án nhất với 1.208 dự án (chiếm 19,9% tổng số dự án), Nhật Bản có 879 dự án (chiếm 14,5%), Singapore có 855 dự án (chiếm 13,6%), tiếp đến là: Hồng Kông, Đài Loan (Trung Quốc), Malaysia. Nếu tính số vốn FDI đầu tư thì Singapore có số vốn đầu tư lớn nhất (trên 9,5 tỷ USD, chiếm 23,7% tổng số vốn đầu tư); Malaysia đứng thứ hai (gần 5,9 tỷ USD, chiếm 14,6%); British Virgin Islands và Hàn Quốc tương ứng là 10,7% và 10,5%.

Các dự án FDI đầu tư vào TP. Hồ Chí Minh chủ yếu theo các hình thức sau: Dự án 100% vốn nước ngoài (chiếm 77,58% số dự án và chiếm 64,93% tổng vốn đầu tư); dự án liên doanh (chiếm 21,6% số dự án và chiếm 32,1% tổng vốn đầu tư); dự án hợp tác kinh doanh (chiếm 0,82% số dự án và chiếm 2,86% tổng vốn đầu tư).

Chia cơ cấu đầu tư FDI theo thành phố, quận, huyện thì 22/22 thành phố, quận, huyện của TP. Hồ Chí Minh đều có dự án đầu tư FDI. Riêng năm 2021, Quận 1 thu hút được nhiều dự án đầu tư nhất, với 146 dự án, tổng vốn đăng ký là 892,92 triệu USD, chiếm 16,5% tổng vốn đầu tư vào Thành phố; Quận 7 đứng vị trí thứ hai với 98 dự án, tổng vốn đăng ký 885 triệu USD, chiếm 16,1% tổng vốn đầu tư. Các quận Bình Thạnh, Tân Bình cũng có số dự án và tổng

BẢNG 1: FDI THEO ĐỐI TÁC ĐẦU TƯ Ở TP. HỒ CHÍ MINH (2021)

TT	Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	Số dự án	Tỷ lệ % số dự án	Vốn đầu tư (USD)	Tỷ lệ % vốn đầu tư
1	Singapore	855	13,6	9.500.713.807	23,7
2	Malaysia	223	3,5	5.858.552.030	14,6
3	British Virgin Islands	199	3,2	4.297.503.946	10,7
4	Hàn Quốc	1208	19,9	4.217.312.188	10,5
5	Hồng Kông	342	5,5	2.880.221.735	7,2
6	Nhật Bản	879	14,5	2.865.416.879	7,1
7	Trung Quốc (Đài Loan)	467	7,6	1.901.416.405	4,7
8	Anh	111	1,8	1.753.004.150	4,4
9	Cayman Islands	29	0,4	1.598.093.508	4,0
10	Pháp	179	2,9	841.341.005	2,1

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (2022)



BẢNG 2: FDI VÀO NGÀNH DỊCH VỤ TẠI TP. HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2013-2021

Năm	Tổng số		Nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản		Công nghiệp - xây dựng		Dịch vụ	
	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)
2013	576.225	100,00	5.946	1,03	237.228	41,17	333.051	57,80
2014	658.898	100,00	7.140	1,08	265.369	40,27	386.389	58,65
2015	764.561	100,00	7.769	1,02	310.640	40,63	446.152	58,35
2016	852.523	100,00	8.778	1,00	335.571	39,40	508.174	59,60
2017	957.358	100,00	9.502	0,99	378.795	39,57	569.061	59,44
2018	1.023.920	100,00	8.588	0,84	401.993	39,26	613.331	59,90
2019	1.300.000	100,00	10.400	0,80	509.600	39,20	780.000	60,00
2020	1.347.360	100,00	9.433	0,70	513.347	38,10	824.589	61,20
2021	1.372.270	100,00	10.154	0,74	537.794	39,19	824.324	60,07

Nguồn: Niên giám thống kê TP. Hồ Chí Minh (2013 - 2021)

số vốn đầu tư cao. TP. Thủ Đức với 88 dự án, tổng vốn đăng ký là 445,59 triệu USD, chiếm 9,2% tổng vốn đầu tư vào TP. Hồ Chí Minh. Các huyện ngoại thành cũng đang có nhiều tiềm năng thu hút FDI, đặc biệt là Khu đô thị Tây - Bắc tại Củ Chi, Hóc Môn có diện tích 6.000 ha và Khu đô thị cảng Hiệp Phước tại Nhà Bè có diện tích 3.900 ha.

Tóm lại, cơ cấu các dự án đầu tư FDI vào TP. Hồ Chí Minh cho thấy, các dự án đầu tư chủ yếu tập trung vào ngành dịch vụ và ngành công nghiệp. Trong đó, Singapore, Hàn Quốc và Nhật Bản có số lượng dự án và vốn đầu tư nhiều hơn cả. Hình thức đầu tư FDI chiếm số lượng lớn nhất là dự án 100% vốn nước ngoài. Bên cạnh đó, các dự án FDI vào TP. Hồ Chí Minh đang tập trung chủ yếu ở các Quận trung tâm nội thành, bởi đây là khu vực có điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối tốt và có nguồn lao động dồi dào, trình độ cao hơn. Tuy nhiên, thời gian tới, một số quận, huyện ngoại thành nếu được đầu tư hạ tầng kỹ thuật thì thu hút FDI sẽ gia tăng bởi ở đó có lợi thế về mặt bằng sản xuất kinh doanh lớn, giá thuê rẻ hơn. Vì vậy, trong giai đoạn tiếp theo, TP. Hồ Chí Minh cần dựa vào thực trạng cơ cấu đầu tư để tăng cường củng cố hạ tầng cơ sở và có chiến lược thu hút FDI vào những ngành, lĩnh vực, địa phương có tiềm năng, lợi thế

đầu tư nhằm đẩy mạnh thu hút FDI hơn nữa.

FDI thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ

Những năm gần đây, nhờ chính sách khuyến khích thu hút đầu tư vào ngành dịch vụ nên nguồn vốn FDI vào lĩnh vực này tại TP. Hồ Chí Minh đã có những đột phá, khẳng định quá trình tăng tốc mới và có tỷ lệ đóng góp cao nhất vào tăng trưởng GDP. Giai đoạn 2013 - 2021, tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của ngành dịch vụ tại TP. Hồ Chí Minh bình quân đạt 13%/năm.

Chỉ số phát triển nguồn vốn FDI vào ngành dịch vụ ở TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2021 liên tục tăng, chứng tỏ đây là lĩnh vực rất hấp dẫn và nhiều tiềm năng đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Trong 9 nhóm

BẢNG 3: FDI VÀO NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2013-2021 (%)

	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
4 ngành Công nghiệp trọng yếu									
Ngành cơ khí	22,1	19,6	6,1	8,9	3,4	6,2	6,1	5,9	5,7
Ngành điện tử - công nghệ thông tin	73,1	20,2	12,8	6,9	15,8	15,9	16,2	17,1	16,9
Ngành hóa chất - cao su - nhựa	17,8	19	6,2	0,1	12,7	6,1	5,8	5,2	5,8
Ngành chế biến lương thực thực phẩm	12,2	11,3	13,3	21,9	11,7	6,7	7,0	8,3	8,1
2 ngành công nghiệp truyền thống									
Dệt may	16,2	16,4	8,6	18,6	4,2	3,5	4,1	4,8	5,1
Giày da	16,3	19,3	6,0	1,0	10,2	7,1	7,7	8,1	6,3

Nguồn: Niên giám thống kê TP. Hồ Chí Minh (2013-2021)

BẢNG 4: FDI VÀO NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN TẠI TP. HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2013-2021

Ngành	ĐVT	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tổng vốn đầu tư FDI	Tỷ đồng	1.458	2.038	982,9	893,3	920,5	931,8	1040,4	1097	998,1
Tốc độ phát triển vốn FDI	%	130,9	139,8	48,2	90,9	103,0	100,2	95,0	102,9	97,2
Tỷ trọng vốn FDI trong ngành nông nghiệp	%	0,7	0,9	0,4	0,3	0,3	0,28	0,29	0,27	0,25

Nguồn: Niên giám thống kê TP. Hồ Chí Minh (2013-2021)

ngành dịch vụ chính, thì ngành Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; Kinh doanh bất động sản; Y tế, giáo dục - đào tạo và ngành du lịch có chỉ số phát triển đầu tư FDI cao hơn so với các lĩnh vực khác. Có được kết quả trên là do TP. Hồ Chí Minh đã triển khai nhiều chính sách ưu tiên, khuyến khích đầu tư, phát triển.

FDI thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp và xây dựng

Định hướng chung của TP. Hồ Chí Minh đối với ngành công nghiệp và xây dựng là nâng cao chất lượng tăng trưởng, nâng hàm lượng giá trị gia tăng trong cơ cấu giá trị sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường thu hút đầu tư, trong đó chú trọng nguồn lực FDI. Từ những định hướng đó, những năm gần đây, ngành công nghiệp và xây dựng TP. Hồ Chí Minh luôn phát triển với tốc độ tăng trưởng cao (giai đoạn 2013 - 2021, ngành công nghiệp tăng trung bình là 127%/năm; xây dựng tăng 104%/năm).

Bảng 2 cho thấy, từ năm 2013 đến năm 2021, tốc độ thu hút đầu tư vào ngành công nghiệp TP. Hồ Chí Minh năm sau tăng cao hơn năm trước, chỉ có năm 2014 ngành công nghiệp sụt giảm ở mức không đáng kể nhưng lại tăng mạnh ở ngành xây dựng (310,1%), vì thế năm 2015 mặc dù chỉ đạt 63,3% so với năm 2014 nhưng đây vẫn là mức cao.

Bốn nhóm ngành công nghiệp trọng điểm có sự chuyển dịch khá mạnh do định hướng phát triển kinh tế của TP. Hồ Chí Minh và tác động của FDI cũng như các yếu tố kinh tế - xã hội khác. Tăng trưởng của nhóm 4 ngành này không ngừng gia tăng. Ngành cơ khí có tốc độ tăng trưởng giảm mạnh tỷ trọng, từ 22,1% (năm 2013) xuống còn 5,7% vào năm 2021. Ngành Điện tử - công nghệ thông tin duy trì tốc độ tăng trưởng 17%, cho dù có bị chi phối bởi bệnh dịch COVID-19. Ngành này phát triển nhờ thương mại điện tử, giao dịch internet gia tăng trong thời gian bệnh dịch bùng phát. Bên cạnh đó, nhiều trung tâm công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin phát triển như: Công viên phần mềm Quang Trung, Khu công

nghe cao TP. Hồ Chí Minh... đã thu hút được các tập đoàn kinh tế thế giới như Intel, Nidec... vào đầu tư tại TP. Hồ Chí Minh.

FDI thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp

Giai đoạn 2013 - 2021, tổng vốn FDI đầu tư vào nông nghiệp TP. Hồ Chí Minh có sự thay đổi, 3 năm đầu tăng cao, các năm sau giảm hơn song cũng dần tăng lên. Xét về tỷ trọng vốn FDI vào ngành nông nghiệp so với các ngành khác còn rất nhỏ bé, năm 2013 chiếm 0,7%, đến năm 2018 còn 0,28%, năm 2021 chỉ còn 0,25%. FDI đầu tư ít vào nông nghiệp là do: (i) Tỷ suất lợi nhuận ngành này thấp; (ii) Rủi ro trong nông nghiệp cao; (ii) Rào cản về hệ thống hậu cần.

Trong nội bộ từng ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản cũng có sự chuyển đổi cơ cấu theo hướng sản xuất cây trồng, vật nuôi có năng suất, giá trị gia tăng cao đã nâng cao hiệu quả sản xuất thực tế bình quân trên 1 ha canh tác. Giá trị sản xuất trên 1 ha đất canh tác đạt từ 158 triệu đồng (năm 2013), 202 triệu đồng/ha/năm (năm 2012), năm 2014 đạt 239 triệu đồng/ha/năm, năm 2015 đạt 282 triệu đồng/ha/năm và năm 2016 đạt 325 triệu đồng, tăng 15,2% so năm 2015 và tăng 2 lần so với năm 2013, đến năm 2018 đạt 348 triệu đồng/ha/năm, năm 2021 là 390 triệu đồng/ha/năm. Đây là kết quả tích cực, thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của TP. Hồ Chí Minh đang dần đi vào chiều sâu. Tỷ trọng vốn FDI vào các ngành chủ lực của TP. Hồ Chí Minh trong 3 năm (2019 - 2021) có sự biến động rõ rệt. Sự biến động này chịu ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 và sự chuyển dịch làn sóng đầu tư ra khỏi Trung Quốc chuyển sang Ấn Độ, các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam.

Hạn chế, tồn tại trong thu hút FDI tại TP. Hồ Chí Minh

Hạn chế từ nguyên nhân chủ quan

Thay đổi tư duy về thu hút FDI chưa theo kịp với yêu cầu. Hiện nay, thu hút FDI ở TP. Hồ Chí Minh



Kết luận và khuyến nghị giải pháp

Kết luận

Các hình thức FDI hiện nay rất đa dạng, tuy nhiên, tại TP. Hồ Chí Minh còn hạn chế. Mặt khác, sự chuyển hóa giữa các hình thức FDI cũng rất linh hoạt do đòi hỏi của hoạt động đầu tư và sự lựa chọn linh hoạt của nhà đầu tư để phù hợp với chiến lược kinh doanh của họ, cũng như môi trường đầu tư thường xuyên biến động. Các dự án FDI của TP. Hồ Chí Minh dù dưới hình thức nào cũng có tác động tích cực, đóng góp vào quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội nếu dự án triển khai tốt.

Trong hoàn cảnh của TP. Hồ Chí Minh, đặc biệt là các vùng kinh tế khó khăn và đặc biệt khó khăn, nhiều nguồn lực chưa được khai thác, các DN trong nước còn hạn chế về năng lực tài chính, công nghệ, trình độ quản lý và kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, cần xử lý linh hoạt vấn đề chuyển đổi hình thức FDI theo hướng:

(i) Khuyến khích hình thức DN 100% vốn đầu tư nước ngoài đối với những dự án sử dụng công nghệ cao, công nghệ mới; các dự án có quy mô vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn dài, độ rủi ro cao, tỷ suất lợi nhuận thấp. Mở rộng cho phép đầu tư theo hình thức DN 100% vốn đầu tư nước ngoài đối với một số lĩnh vực yêu cầu phải liên doanh (quy định tại Nghị định số 10/1998/NĐ-CP) như kinh doanh xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, sản xuất xi măng, xây dựng khu thể thao, vui chơi giải trí, trồng rừng hoặc trồng cây công nghiệp lâu năm, các dự án trường dạy nghề, trường công nhân kỹ thuật.

(ii) Cho phép linh hoạt chuyển đổi hình thức đầu tư từ DN liên doanh sang DN 100% vốn FDI trong trường hợp DN làm ăn bị thua lỗ kéo dài; Các đối tác liên doanh mâu thuẫn nghiêm trọng nhưng chưa tìm được đối tác khác thay thế dẫn đến liên doanh có nguy cơ đổ vỡ hoặc trong trường hợp liên doanh thuộc ngành khuyến khích đầu tư đang hoạt động bình thường nhưng đối tác trong nước muốn rút vốn để đầu tư vào các dự án khác có hiệu quả hơn. Việc chuyển đổi DN liên doanh thành DN 100% vốn FDI phải đảm bảo điều kiện giữ được việc làm cho người lao động; Phía TP. Hồ Chí Minh bảo toàn được vốn góp hoặc chịu rủi ro ở mức thấp nhất. Thực hiện đa dạng hóa các hình thức FDI (như Luật đầu tư 2005, với 7 hình thức FDI) tại TP. Hồ Chí Minh để khai thác các kênh đầu tư mới như công ty hợp danh, công ty quản lý vốn, chuyển đổi DN có vốn FDI sang hoạt động theo loại hình công ty cổ phần và tạo điều kiện cho các DN này được đăng ký tại thị trường chứng khoán, thực hiện hình thức

còn coi trọng số lượng. Công tác thẩm định dự án FDI còn một số thiếu sót, chủ quan, khuynh hướng chạy theo số lượng, chưa chú ý đến chất lượng dẫn tới nhiều dự án giải thể trước thời hạn.

Khung pháp lý về thu hút FDI còn bất cập. Mặc dù, hệ thống pháp luật về đầu tư nước ngoài được liên tục sửa đổi và có tiến bộ rõ rệt, song trên thực tế vẫn chưa đồng bộ, thiếu nhất quán, còn vướng mắc, gây khó khăn cho các DN trong việc dự toán và lên phương án kinh doanh; tạo ra nhiều cách hiểu khác nhau khi áp dụng ở các cấp.

Chính sách khuyến khích, ưu đãi thu hút FDI chưa đủ hấp dẫn. Một số chính sách của TP. Hồ Chí Minh để thu hút đầu tư FDI chưa ổn định, chưa nổi bật so với một số địa phương.

Công tác quản lý nhà nước về FDI còn bất cập. Việc phân cấp quản lý FDI thực hiện trong bối cảnh hệ thống luật pháp còn chông chéo, thiếu đồng bộ; nội dung phân cấp chưa phù hợp với đặc thù của từng địa phương, vùng lãnh thổ.

Thủ tục hành chính chưa thuận lợi. Mặc dù, cải cách hành chính đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng so với yêu cầu vẫn cần tiếp tục cải cách mạnh mẽ hơn nữa. Việc cải cách thủ tục hành chính triển khai còn chậm và còn nhiều yếu kém, có nhiều chính sách ưu đãi và tích cực cải thiện môi trường đầu tư nhưng tốc độ thu hút FDI còn chậm.

Nguồn nhân lực còn hạn chế. Nguồn lao động tại TP. Hồ Chí Minh tuy đông nhưng chất lượng lao động không đồng đều, đa phần lao động của thành phố có trình độ thấp, giá rẻ - điều này hiện nay không còn là lợi thế.

Hạn chế từ nguyên nhân khách quan

Cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ. Cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng của tại TP. Hồ Chí Minh còn nhiều bất cập, hạn chế như: tình trạng ngập úng, giao thông ùn tắc, chậm đầu tư hạ tầng kỹ thuật và giải tỏa mặt bằng, các thiết bị phục vụ các cảng đường thủy còn thiếu, phải bốc dỡ thủ công... cũng đã ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư, cản trở đến việc thu hút vốn FDI vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại TP. Hồ Chí Minh thời gian qua.

Đại dịch COVID-19 ảnh hưởng lớn đến dòng FDI của Việt Nam, FDI tăng chậm lại do các DN hạn chế đầu tư. Bên cạnh đó, sự sụt giảm của FDI toàn cầu đã ảnh hưởng không nhỏ tới FDI vào Việt Nam.

Xu thế dịch chuyển dòng vốn của nhà đầu tư nước ngoài. Các DN nước ngoài có xu hướng dịch chuyển ra khỏi Trung Quốc. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia được hưởng lợi với vị trí địa lý giáp ranh.

M&A, quỹ đầu tư... và nghiên cứu, tạo cơ chế thúc đẩy sự phát triển của đầu tư gián tiếp làm động lực hỗ trợ cho thu hút FDI nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế của TP. Hồ Chí Minh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Khuyến nghị giải pháp


Đối với ngành Công nghiệp - Xây dựng

Khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực có khả năng tăng trưởng nhanh, có hiệu quả, có sức cạnh tranh. Điều chỉnh sản xuất một số ngành công nghiệp hiện đang có tình trạng không có sức cạnh tranh; Tăng các ngành chế tác và sản xuất vật liệu mới, các sản phẩm xuất khẩu. Ưu tiên hơn nữa ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao như: Cơ khí chế tạo; Điện tử, viễn thông tin học; Công nghiệp hóa chất và dược phẩm; Chế biến lương thực, thực phẩm với giá trị gia tăng cao.

Đối với ngành Nông nghiệp

Thực hiện điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng khuyến khích hơn nữa các dự án FDI sử dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp có năng suất, chất lượng cao, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới trong các ngành chăn nuôi, thủy sản. Coi trọng và tạo mọi điều kiện để thu hút FDI nhằm phát triển giống cây nông nghiệp, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản, bảo đảm đủ giống tốt, giá cả hợp lý đáp ứng nhu cầu sản xuất của nông dân và tiến hành các hoạt động chuyển giao công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm. Ưu tiên các dự án FDI mở rộng tiêu thụ sản phẩm ra nước ngoài, góp phần tăng đáng kể thị phần của các nông sản chủ lực trên thị trường thế giới... với phát triển công nghiệp chế biến chất lượng cao theo phương thức tiến bộ, bảo vệ môi trường.

Đối với ngành Dịch vụ

Các lĩnh vực thuộc ngành dịch vụ có vai trò ngày càng quan trọng đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của TP. Hồ Chí Minh. Điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa không phải chỉ tập trung vào phát triển công nghiệp mà trên thực tế, việc mở ra các hoạt động dịch vụ trong nhiều trường hợp có ý nghĩa tạo mũi nhọn đột phá giúp tăng trưởng nhanh và tạo sự phân công lao động mới. Mở rộng các hình thức đầu tư nhằm huy động nguồn vốn FDI vào lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế có ý nghĩa quan trọng. Đây là điều kiện để thúc đẩy phát triển dịch vụ du lịch, vận tải và lưu thông hàng hóa như đầu tư vào giao thông vận tải, bến bãi, dịch vụ logistic... hiện đại, đáp ứng nhu cầu là trung tâm về vận tải đường bộ, đường thủy, đường sông. 

Tài liệu tham khảo:

1. Bùi Tất Thắng (2006), *Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở TP. Hồ Chí Minh*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội;
2. Lê Thanh Tùng (2016), *Thực trạng thu hút vốn FDI vào bất động sản tại TP Hồ Chí Minh từ sau khi gia nhập WTO đến nay*, *Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ*, số 19 (4), 127-142;
3. Nguyễn Thị Bích Thủy (2022), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh*, *Luận án Tiến sĩ Quản lý kinh tế*, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
4. Nguyễn Thị Thúy Vân, Đặng Kim Anh, Nguyễn Thị Thùy Dung (2018), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài với chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa tại tỉnh thái nguyên giai đoạn 1997–2016*, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*, 191(15), 123-129;
5. *Tổng cục Thống kê (2012-2020)*, *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam từ năm 2013 đến 2021*, NXB Thống kê, Hà Nội;
6. *Tổng cục Thống kê (2013-2021)*, *Niên giám Thống kê từ năm 2013 đến năm 2021*, NXB Thống kê, Hà Nội;
7. *Văn kiện Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ IX*, Đảng bộ TP. Hồ Chí Minh (2001), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. *Văn kiện Đại Hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ X*, Đảng bộ TP. Hồ Chí Minh (2006), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
9. *Viện Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (2005)*, *Định hướng phát triển KT-XH TP. Hồ Chí Minh 2005 - 2015 và dự báo 2015 – 2025*;
10. Vương Đức Hoàng Quân (2014), *Nhìn lại quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*, *Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh*, số 9 (3);
11. Blomstrom, Magnus & Kokko, Ari. (1997), *The Impact of Foreign Investment on Host Countries: A Review of the Empirical Evidence*, *World Bank Policy Research Working Paper*. 1745;
12. Dunning, J.H. (1977), *The Multinational Enterprise*, George Allen and Unwin, London;
13. Françoise Nicolas (2003), *FDI as a Factor of Economic Restructuring: The Case of South Korea*, *International Trade, Capital Flows and Economic Development in East Asia: The Challenge in the 21st Century*, London, Ashgate;
14. Hymer, S.H. (1960), *The International Operation of National Firms: A Study of Direct Foreign Investment*, MIT Press, Cambridge, MA, United States;
15. M.Syrquin (1999), *Foreign direct investment as a catalyst for industrial development*, *European Economic Review*. 43. pp335-356;
16. Pinto, R. T. (2017), *Competitiveness: the role of FDI and structural change*, <https://repositorio-aberto.up.pt/bitstream/10216/108415/2/226503.pdf>;
17. Vernon, R. (1966), "International investment and international trade in the product cycle", *Quarterly Journal of Economics*, vol. 80, No. 2.

Thông tin tác giả:

TS. Trần Thị Ngọc Lan, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh

TS. Nguyễn Thị Bích Thủy, Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh

ThS. Trần Thành Trung, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh

Email: trungtran0011@gmail.com; thuyntb@iuh.edu.vn